

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

Số: 30 /2017/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hậu Giang, ngày 07 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải
trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

SỞ TƯ PHÁP TỈNH HẬU GIANG
Số: 19245
Ngày: 10/11/2017
Chức vụ:
Lưu: số:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;
Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 17 tháng 11 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / nd

Nơi nhận:

- VP. Chính phủ (HN - TP.HCM);
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, các Đoàn thể tỉnh;
- VP. TU và các Ban đảng;
- VP. Đoàn ĐBQH;
- VP. HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT. TD

E:\2017\qdpq\SXD_quy dinh quan ly thoat nuoc thai

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tuấn

QUY ĐỊNH

**Về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải
trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 30 /2017/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các khu vực đô thị, điểm dân cư nông thôn; khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung, các khu chức năng đặc thù do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh quản lý (sau đây gọi chung là khu công nghiệp) và cụm công nghiệp do địa phương quản lý (sau đây gọi chung là cụm công nghiệp) trên địa bàn tỉnh.

2. Các nội dung liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (sau đây gọi chung là Nghị định số 80/2014/NĐ-CP), Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 3. Hệ thống thoát nước

1. Mạng lưới thoát nước cấp 1: hệ thống cống bao, kênh, mương dẫn nước thải sau khi xử lý, nước mưa xả vào nguồn tiếp nhận là các kênh, mương, sông chính có dòng chảy tiêu thoát nước cho khu vực hoặc vùng.

2. Mạng lưới thoát nước cấp 2: bao gồm hệ thống cống dọc các đường phố chính có chức năng vận chuyển nước thải và nước mưa, có thể thông qua hoặc không thông qua các trạm bơm, các trạm xử lý, hồ điều hòa đến hệ thống thoát nước cấp 1.

3. Mạng lưới thoát nước cấp 3: bao gồm các tuyến cống dọc đường phố tại các khu dân cư, các khu chức năng, cống dẫn nước mưa, nước từ các hố ga mặt đường dùng để thu gom, truyền tải nước thải, nước mưa của các hộ hoặc nước bề mặt tới mạng lưới thoát nước cấp 2.

4. Công trình thuộc hệ thống thoát nước gồm:

- a) Hồ kiểm tra, ga thăm, cửa thu nước lên đường, cửa tràn tách nước.
- b) Trạm bơm nước thải, nước mưa; cống liên quan đến trạm bơm.
- c) Hồ điều hòa và tuyến kênh, mương.
- d) Cửa xả nước mưa hoặc nước thải đã xử lý vào môi trường tiếp nhận.
- đ) Nhà máy xử lý nước thải và công trình xử lý bùn cặn.

Điều 4. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước

1. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh là chủ sở hữu toàn bộ hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý, bao gồm:

- a) Hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước, một phần từ ngân sách Nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.
- b) Hệ thống thoát nước nhận bàn giao từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị, khu nhà ở, khu dân cư mới trên địa bàn quản lý.
- c) Hệ thống thoát nước nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh công trình thoát nước có thời hạn trên địa bàn quản lý.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) là chủ sở hữu hệ thống thoát nước mưa, bao gồm:

- a) Hệ thống thoát nước mưa là hạng mục công trình gắn với hệ thống giao thông nông thôn được giao quản lý.
- b) Hệ thống thoát nước mưa được giao làm chủ đầu tư hoặc quyết định đầu tư từ ngân sách Nhà nước cấp xã.

3. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh, phát triển khu đô thị, khu nhà ở, khu dân cư mới; khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư và chịu trách nhiệm quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đến khi bàn giao cho chủ sở hữu theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 5. Lựa chọn đơn vị thoát nước

1. Đối với hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư bằng vốn ngân sách Nhà nước, việc lựa chọn đơn vị thoát nước tuân thủ quy định hiện hành về cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích.

2. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu nhà ở, khu công nghiệp tổ chức quản lý, vận hành hệ thống thoát nước do mình đầu tư đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh theo quy định.

3. Đơn vị thoát nước phải có nhân lực, trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ của công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước mưa và nước thải.

4. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lựa chọn đơn vị thoát nước trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị thoát nước

1. Đơn vị thoát nước có các quyền sau:

a) Ký hợp đồng dịch vụ với hộ thoát nước và thực hiện mọi hoạt động theo hợp đồng dịch vụ đã ký kết. Hoạt động kinh doanh theo các quy định được thanh toán đúng và đủ chi phí dịch vụ thoát nước theo hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đã ký kết.

b) Thu tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.

c) Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải.

d) Đề xuất, tham gia ý kiến vào các kế hoạch, quy hoạch, cải tạo, mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải. Được làm chủ đầu tư các công trình xây dựng, cải tạo, thay thế và mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thuộc nguồn vốn của đơn vị.

đ) Từ chối nhận bàn giao công trình thoát nước và xử lý nước thải nếu chất lượng công trình không đảm bảo theo quy định hoặc xây dựng không đúng theo quy hoạch chung về thoát nước.

e) Báo cáo với chủ sở hữu, các cơ quan hữu quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm của tổ chức, cá nhân gây ảnh hưởng, thiệt hại tới hoạt động thoát nước và xử lý nước thải.

g) Giải quyết miễn trừ đấu nối hoặc cho phép hai hộ thoát nước hoặc nhiều hơn được đấu nối vào cùng một vị trí đấu nối và một hố kiểm tra.

h) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị thoát nước có các nghĩa vụ sau:

a) Đảm bảo việc cung cấp, duy trì ổn định dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải cho các hộ thoát nước cả về chất lượng và số lượng theo đúng hợp đồng dịch vụ đã ký kết.

b) Quản lý tài sản, hồ sơ tài sản, thiết lập và lưu trữ cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải được bàn giao đưa vào khai thác sử dụng; quản lý các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý.

c) Kiểm tra, đánh giá tình trạng hoạt động của hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, đảm bảo việc thu gom, xử lý và xả nước vào môi trường theo thỏa thuận; sửa chữa kịp thời các trục trặc, hư hỏng.

d) Bồi thường thiệt hại gây ra cho tổ chức, cá nhân và hộ gia đình là hộ thoát nước theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.

đ) Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, phản ánh có liên quan đến dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải. Giải quyết các khiếu nại về dịch vụ thoát nước, bảo đảm sự hài lòng cao nhất của hộ thoát nước.

e) Bảo vệ an toàn, đảm bảo vận hành hiệu quả, tiết kiệm trong quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.

g) Chỉ định rõ vị trí của hố kiểm tra và vị trí đầu nổi trong trường hợp giải quyết miễn trừ đầu nổi hoặc cho phép hai hộ thoát nước hoặc nhiều hơn được đầu nổi vào cùng một vị trí đầu nổi và một hố kiểm tra.

h) Kiểm soát việc xây dựng đúng quy cách đường ống nổi từ nhà ra tới hố kiểm tra kể cả chất lượng vật liệu và kỹ thuật thi công công trình.

i) Cung cấp thông tin thỏa thuận đầu nổi cho các đối tượng có nhu cầu. Báo cáo định kỳ theo quy định của chủ sở hữu và cơ quan quản lý Nhà nước về thoát nước trên địa bàn tỉnh (Sở Xây dựng).

k) Lập hồ sơ, đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

l) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

Các chủ sở hữu, đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước, xử lý nước thải đô thị; khu công nghiệp, cụm công nghiệp (sau đây gọi tắt là chủ sở hữu hệ thống thoát nước) có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Lựa chọn, ký kết hợp đồng và chấm dứt hợp đồng quản lý vận hành với đơn vị chuyên nghiệp để quản lý vận hành và cung cấp dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải.

2. Giám sát, kiểm tra hệ thống thoát nước và các hạng mục của hệ thống này theo định kỳ, đột xuất để đảm bảo tính hiệu quả của các hoạt động quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo hợp đồng đã ký kết.

3. Không can thiệp vào các công việc liên quan đến quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và hoạt động tài chính của đơn vị thoát nước, bao gồm cả các vấn đề về quản lý nhân sự, phương pháp vận hành hệ thống và các vấn đề cụ thể khác mà không có sự thông báo trước bằng văn bản và không được sự chấp thuận của đơn vị thoát nước.

4. Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, không bán, cho thuê hoặc nhượng quyền quản lý các tài sản cố định đã giao cho đơn vị thoát nước quản lý vận hành khi chưa được sự đồng ý của đơn vị thoát nước.

5. Trong trường hợp vi phạm các nội dung đã quy định trong hợp đồng thì chủ sở hữu hệ thống thoát nước phải bồi thường thiệt hại do việc vi phạm gây ra đối với đơn vị thoát nước.

6. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm lập và cung cấp cho đơn vị thoát nước 01 bản danh mục về các công trình của hệ thống thoát nước, bản vẽ hoàn công các công trình đã được xây dựng (nếu có). Trong trường hợp không có bản vẽ hoàn công các công trình thoát nước, chủ sở hữu hệ thống thoát nước sẽ tiến hành khảo sát thông kê, xác định vị trí, kích thước cơ bản, đánh giá tình trạng vật chất, đánh giá giá trị còn lại của tài sản. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm hỗ trợ chủ sở hữu hệ thống thoát nước thực hiện nhiệm vụ khảo sát, thống kê này nhằm lập bản đồ hệ thống thoát nước.

7. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm phối hợp với đơn vị thoát nước tổ chức và triển khai các chương trình truyền thông, thông tin đại chúng về các vấn đề liên quan đến quy định quản lý thoát nước, chính sách bắt buộc đầu nối và cung cấp dịch vụ thoát nước, các quy định về giá dịch vụ thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, chính sách về giám sát cộng đồng đối với dịch vụ thoát nước.

8. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho đơn vị thoát nước theo nội dung của hợp đồng đã ký kết.

9. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm phê duyệt đúng thời hạn các kế hoạch đầu tư do đơn vị thoát nước lập trong việc sửa chữa lớn, thay thế, phục hồi và mở rộng hệ thống thoát nước nhằm đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ của hợp đồng quản lý, vận hành; hỗ trợ đơn vị thoát nước trong việc đấu nối các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình là hộ thoát nước

Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình là hộ thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 9. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1: Chủ sở hữu và đơn vị thoát nước phải thực hiện ký kết hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo quy định.

2. Hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước có các nội dung chính theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP; mẫu hợp đồng theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (sau đây gọi chung là Thông tư số 04/2015/TT-BXD) và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

3. Thời hạn hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

a) Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước có thời hạn ít nhất là 05 năm và dài nhất là 10 năm.

b) Trước khi kết thúc thời hạn hợp đồng 01 năm, các bên tham gia hợp đồng phải thương thảo việc kéo dài hợp đồng quản lý vận hành và ký kết kéo dài hợp đồng (nếu tiếp tục kéo dài hợp đồng) theo quy định.

4. Chấm dứt hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước:

Việc chấm dứt hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 10. Quản lý hệ thống thoát nước mưa

Đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hệ thống thoát nước mưa, với các nội dung như sau:

1. Xây dựng quy trình quản lý hệ thống thoát nước mưa bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định.

2. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, nạo vét, duy tu, bảo dưỡng các tuyến cống, mương, hố ga, nắp hố ga, cửa thu nước mưa, bảo đảm dòng chảy theo thiết kế.

3. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng các tuyến cống, các công trình thuộc mạng lưới, kịp thời đề xuất phương án thay thế, sửa chữa (nếu có) với chủ sở hữu. Đề xuất các phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực.

Điều 11. Quản lý hệ thống hồ điều hòa

Đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hồ điều hòa, nội dung bao gồm:

1. Kiểm soát các hành vi xả nước thải sinh hoạt và các loại nước thải sinh ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh dịch vụ trực tiếp vào hồ điều hòa.

2. Kiểm tra, giám sát việc khai thác, sử dụng hồ điều hòa tuân thủ theo các quy định để đảm bảo chức năng điều hòa nước mưa và môi trường; duy trì mực nước ổn định của hồ điều hòa, đảm bảo tốt nhiệm vụ điều hòa nước mưa và các yêu cầu khác.

3. Định kỳ hàng năm tiến hành nạo vét đáy hồ, vệ sinh lòng hồ và bờ hồ xong trước mùa mưa bão; xây dựng quy trình quản lý, khai thác, sử dụng hồ điều hòa; đảm bảo an toàn cho hồ trong quá trình khai thác sử dụng.

Điều 12. Quản lý hệ thống thoát nước thải

1. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hệ thống thoát nước thải, với các nội dung như sau:

a) Định kỳ kiểm tra độ kín, lắng cặn tại các điểm đầu nối, hố ga và tuyến cống để lập kế hoạch nạo vét, sửa chữa, bảo trì cống và công trình trên mạng lưới; kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình, đề xuất các biện pháp thay thế, sửa chữa mạng lưới thoát nước và các công trình trên mạng lưới; thực hiện quan trắc chất lượng nước thải trong hệ thống phù hợp với pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Thiết lập quy trình quản lý hệ thống thoát nước thải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định.

c) Đề xuất các phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực.

2. Trong trường hợp mạng lưới thoát nước chung thì việc quản lý hệ thống thoát nước thải được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này và Điều 10 Quy định này.

Điều 13. Quy định về xả thải tại điểm đầu nối

1. Đối với nước thải sinh hoạt: các hộ gia đình được phép xả nước thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước tại điểm đầu nối. Nước thải sinh hoạt tại các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải tổ chức thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả vào điểm đầu nối theo các quy định về đầu nối và thỏa thuận đầu nối.

2. Đối với các loại nước thải khác: các hộ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả vào điểm đầu nối theo các quy định về đầu nối và thỏa thuận đầu nối.

Điều 14. Quy định về xử lý nước thải phi tập trung

1. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể và tổng lượng nước thải khu vực thuộc dự án xây dựng khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở tại các khu vực ngoài vùng dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của đô thị hay khu vực, chủ dự án phải có các giải pháp xử lý nước thải phi tập trung và quy định đầu nối cho dự án do mình thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

2. Các giải pháp xử lý nước thải phi tập trung được xác định trong quá trình chủ dự án tổ chức lập quy hoạch xây dựng phục vụ cho dự án và được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Điều 15. Nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước

Khi tiến hành nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải thực hiện đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường (tùy theo tính chất và quy mô của dự án nạo vét, khơi thông) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phải lập kế hoạch cụ thể về thời gian thi công, biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo trật tự, an toàn giao thông và bảo đảm vệ sinh môi trường trước khi tiến hành nạo vét, gửi Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ban Quản lý các khu công nghiệp lĩnh (đối với hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại khu công nghiệp) trước 5 ngày để phối hợp giám sát, quản lý. Thực hiện các biện pháp cần thiết như đặt tín hiệu, biển báo công trình,... để đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.

3. Chất thải nạo vét phải để vào thùng kín, không được để rò rỉ ra ngoài và phải vận chuyển về đúng nơi quy định. Nghiêm cấm để chất thải qua đêm trên đường phố. Vận chuyển chất thải bằng phương tiện chuyên dùng, không được để chất thải rơi vãi khi lưu thông trên đường giao thông công cộng.

4. Nạo vét đến đâu, phải tiến hành đập nắp đan, chèn khít mạch hệ thống thoát nước đến đó. Không được để miệng cống, hố ga hở qua đêm.

Điều 16. Quản lý bùn thải

1. Bùn thải được phân loại để quản lý và lựa chọn công nghệ xử lý phù hợp, góp phần giảm chi phí vận chuyển, chi phí xử lý.

2. Phân loại bùn thải; lựa chọn công nghệ xử lý bùn thải; thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật hiện hành về thoát nước và xử lý nước thải.

3. Khi đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải phải có giải pháp thu gom và xử lý bùn thải phù hợp; bùn thải khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

Điều 17. Các chính sách hỗ trợ, khuyến khích về đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thoát nước

1. Chính sách ưu đãi và hỗ trợ về đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thoát nước theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Khuyến khích, thu hút đầu tư theo các hình thức đối tác công tư (PPP); mở rộng hình thức Nhà nước và Nhân dân cùng làm. Đổi mới, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư nước ngoài; có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút đầu tư; tranh thủ tối đa các nguồn vốn viện trợ phi chính phủ, vốn ODA, vốn vay ưu đãi và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Chương III DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Điều 18. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

1. Các hộ thoát nước phải thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước với các đơn vị thoát nước trước khi đấu nối và xả nước mưa, nước thải vào hệ thống thoát nước công cộng theo quy định.

2. Hợp đồng giữa đơn vị thoát nước với hộ thoát nước bao gồm nội dung chính theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP; Mẫu hợp đồng theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BXD và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 19. Yêu cầu về kỹ thuật đấu nối

1. Việc đấu nối hệ thống thoát nước phải đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất lượng nước thải thấm vào lòng đất hoặc chảy vào các nguồn tiếp nhận khác.

2. Ống thoát nước từ điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đấu nối phải lớn hơn hoặc bằng 90mm, có độ dốc phù hợp để đảm bảo không bị tắc nghẽn.

3. Ống thoát nước được sử dụng đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định và có độ bền cao. Khuyến khích sử dụng ống thoát nước làm bằng nhựa PVC, uPVC, HDPE hoặc các công nghệ tiên tiến khác được áp dụng hiệu quả.

Điều 20. Đấu nối hệ thống thoát nước

1. Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải hoặc tại những khu vực đã được đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống thoát nước là đối tượng bắt buộc phải đấu nối vào hệ thống thoát nước trừ những trường hợp được quy định về miễn trừ đấu nối (bao gồm các trường hợp đã tổ chức đấu nối trước khi Quy định này có hiệu lực).

2. Các trường hợp được miễn trừ đầu nối vào hệ thống thoát nước bao gồm:

a) Gần nguồn tiếp nhận mà chất lượng nước thải bảo đảm yêu cầu vệ sinh môi trường và việc đầu nối vào hệ thống thoát nước chung có thể gây những gánh nặng bất hợp lý về kinh tế cho hộ thoát nước.

b) Tại địa bàn chưa có mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước tập trung.

3. Trường hợp hệ thống thoát nước của khu dân cư nông thôn tập trung, và khu công nghiệp, cụm công nghiệp đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị thì được coi như một hộ sử dụng dịch vụ thoát nước đô thị và phải tuân theo các quy định đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị.

4. Các hộ thoát nước chỉ được phép thực hiện đầu nối vào hệ thống thoát nước công cộng sau khi đã có hồ sơ thỏa thuận của đơn vị thoát nước và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép xả thải (nếu có) theo quy định về xả nước thải vào nguồn.

5. Hồ sơ đề xuất thỏa thuận đầu nối gồm: đơn xin đầu nối; bản vẽ hiện trạng, bản vẽ thiết kế hoặc tài liệu khảo sát thực tế, trong đó xác định rõ: khuôn viên tài sản, vị trí hồ ga chờ sẵn để đầu nối vào hệ thống thoát nước công cộng, vị trí và cao độ của các công trình hiện có, bể tự hoại, hầm rút.

Đối với các hộ thoát nước là các cơ sở sản xuất, cơ sở y tế, cơ sở kinh doanh nhà hàng, khách sạn, ngoài các hồ sơ quy định trên phải kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc tài liệu chứng minh hệ thống xử lý nước thải cục bộ đã hoàn thành và chất lượng nước thải sau xử lý cục bộ đạt yêu cầu được phép xả vào hệ thống thoát nước công cộng, phù hợp với chỉ tiêu đầu vào của nhà máy xử lý nước thải.

6. Cao độ của điểm đầu nối phải thấp hơn cao độ công trình của các hộ thoát nước nhằm đảm bảo nước từ hệ thống thoát nước công cộng không chảy ngược vào. Hộ thoát nước đầu nối phải tự bỏ kinh phí của mình để thực hiện các biện pháp bảo vệ cần thiết tránh nước thải chảy ngược từ hệ thống thoát nước công cộng vào.

7. Tại vị trí điểm đầu nối phải bố trí hộp đầu nối nhằm đảm bảo ổn định, an toàn cho điểm đầu nối; đồng thời tạo thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát, bảo dưỡng khi cần thiết tránh rò rỉ nước thải.

8. Hộ thoát nước tự lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực, tự chịu chi phí để tổ chức thi công cải tạo và đầu nối hệ thống thoát nước thải (kể cả nước thải từ nhà vệ sinh, nước thải từ tắm giặt, nhà bếp) đến điểm đầu nối, hoàn trả nguyên trạng mặt bằng công cộng đã sử dụng khi thi công.

9. Các hộ thoát nước đều được cung cấp:

a) Một vị trí đầu nối chung cho cả nước thải và nước mưa nếu thuộc lưu vực của hệ thống thoát nước chung.

b) Một vị trí đầu nối vào cống thoát nước thải và một vị trí đầu nối vào cống thoát nước mưa nếu thuộc lưu vực của hệ thống thoát nước riêng.

10. Hệ thống vệ sinh riêng của hộ thoát nước xả thải kể từ công trình trong nhà tới hồ kiểm tra thuộc về trách nhiệm của hộ thoát nước đầu nối, kể cả xây dựng, vận hành và bảo dưỡng.

Điều 21. Hỗ trợ đầu nối vào hệ thống thoát nước

1. Đối tượng được hỗ trợ: hộ gia đình có công theo quy định của Pháp lệnh về người có công với cách mạng, gia đình nghèo có sổ chứng nhận hộ nghèo.

2. Phương thức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí lắp đặt từ hồ kiểm tra đến vị trí đường ống thoát nước trong phạm vi phần đất của hộ gia đình.

b) Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương, từ các dự án đầu tư hoặc từ nguồn vốn của đơn vị thoát nước.

3. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mức, phương thức hỗ trợ đầu nối cho các đối tượng cụ thể.

Điều 22. Làm sạch và hút hầm cầu

1. Các hộ thoát nước trong quá trình sử dụng bể tự hoại tùy theo các thông số thiết kế của bể, định kỳ phải làm sạch và hút cặn bể bằng kinh phí của hộ thoát nước.

2. Các phương tiện, trang thiết bị thông hút, thu gom và vận chuyển bùn bể tự hoại phải là các phương tiện chuyên dụng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Đơn vị thoát nước có thể đề xuất về kỹ thuật, giám sát việc thực hiện và điều phối các hoạt động có liên quan nếu được yêu cầu.

Điều 23. Tiếp cận với các công trình xả nước thải

1. Hộ thoát nước phải tạo điều kiện cho đơn vị thoát nước tiếp cận kiểm tra các công trình xả nước thải bên trong nhà, khuôn viên và cung cấp các số liệu kỹ thuật khi có yêu cầu.

2. Đơn vị thoát nước có quyền lấy mẫu nước thải trong hồ kiểm tra của hộ thoát nước bất cứ lúc nào; kết quả xét nghiệm mẫu nước thải có thể sử dụng làm cơ sở để tính giá dịch vụ thoát nước.

Điều 24. Ngừng dịch vụ thoát nước

1. Đối với các hộ thoát nước là hộ gia đình:

Đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước không được ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước trong mọi trường hợp, trừ trường hợp được quy định cụ thể trong Hợp đồng dịch vụ thoát nước.

2. Đối với các hộ thoát nước khác:

a) Vi phạm các quy định về thoát nước mà không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, đơn vị thoát nước có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu hộ thoát nước khắc phục. Sau 15 ngày mà hộ thoát nước không chấp hành thì đơn vị thoát nước ra thông báo lần thứ hai, nếu sau 15 ngày tiếp theo mà hộ thoát nước

vẫn không chấp hành thì đơn vị thoát nước được phép ngừng dịch vụ thoát nước theo thỏa thuận đã được quy định trong Hợp đồng dịch vụ thoát nước và các quy định của pháp luật về thoát nước.

b) Vi phạm các quy định về thoát nước có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, đơn vị thoát nước tiến hành lập biên bản và yêu cầu hộ thoát nước phải khắc phục ngay. Nếu hộ thoát nước không chấp hành thì đơn vị thoát nước báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời, đơn vị thoát nước được quyền ngừng dịch vụ thoát nước.

3. Dịch vụ thoát nước được khôi phục sau khi hộ thoát nước đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi vi phạm gây ra, hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định.

4. Trường hợp ngừng dịch vụ thoát nước để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải có văn bản thông báo cho các hộ thoát nước có liên quan biết lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ thoát nước; đồng thời, đơn vị thoát nước phải có biện pháp thoát nước tạm thời để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của các hộ thoát nước và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

5. Nếu điểm xả xảy ra sự cố thì đơn vị quản lý vận hành phải báo cáo chủ sở hữu và thực hiện khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất, chậm nhất là 15 ngày (kể từ khi sự cố xảy ra); đồng thời có biện pháp hạn chế tối đa thiệt hại môi trường xung quanh.

Điều 25. Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải

1. Hộ thoát nước xả nước thải vào hệ thống thoát nước phải thanh toán giá sử dụng dịch vụ thoát nước. Hộ thoát nước đã thanh toán giá dịch vụ thoát nước không phải trả phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

2. Hộ thoát nước xả nước thải trực tiếp ra môi trường có nghĩa vụ trả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Nguyên tắc xác định chi phí dịch vụ thoát nước được xác định trên nguyên tắc tính đúng, tính đủ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ thoát nước và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định.

4. Phương án xác định giá dịch vụ thoát nước được xác định theo phương pháp quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định giá dịch vụ thoát nước.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 26. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh, bao gồm: công tác quy hoạch, đầu tư phát triển, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo tình hình quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng, khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn tỉnh (trừ các khu công nghiệp), trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Chủ trì tổ chức lập, thẩm định, điều chỉnh định hướng thoát nước và xử lý nước thải; đồ án quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh.

d) Cung cấp thông tin về cao độ nền đô thị cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu để đảm bảo thoát nước.

đ) Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách Nhà nước.

e) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn khác không thuộc ngân sách Nhà nước.

g) Thực hiện chức năng kiểm tra, thanh tra chuyên ngành thoát nước và xử lý nước thải đô thị theo quy định.

h) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ các hộ thoát nước, khu công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước đô thị.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác bảo vệ môi trường theo phân cấp đối với các công trình thoát nước và xử lý nước thải.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định về hoạt động xả nước thải vào nguồn tiếp nhận theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước và các hộ thoát nước trên địa bàn tỉnh xả thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận; tổ chức quản lý các điểm xả, chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận theo lưu vực theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh được đầu tư từ ngân sách Nhà nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Chịu trách nhiệm tổng hợp, cân đối nhu cầu vốn từ ngân sách và các nguồn vốn khác trình cơ quan thẩm quyền phân bổ kinh phí hàng năm cho công tác quy hoạch, xây dựng, bảo trì thường xuyên và phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

b) Có ý kiến việc thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước trong khu công nghiệp để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan thẩm định giá dự toán hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thu và sử dụng giá dịch vụ thoát nước của chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý về tài chính đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn từng thời kỳ và kế hoạch đầu tư công hàng năm, cân đối nhu cầu vốn từ ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn khác, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch bố trí vốn cho công tác quy hoạch, xây dựng các dự án công trình thoát nước và xử lý nước thải từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng thẩm định Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp theo các hình thức đầu tư khác ngoài ngân sách Nhà nước.

d) Là đơn vị đầu môi đăng ký với các Bộ, ngành Trung ương kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải. Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp để kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về hoạt động xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi. Chỉ đạo các đơn vị được giao quản lý hệ thống các công trình thủy lợi liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp phối hợp với đơn vị thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về cao độ, vị trí xả thải nhằm thoát nước, chống úng ngập và bảo vệ công trình thủy lợi.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan giám sát chất lượng nước thải của các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện giấy phép của tổ chức, cá nhân được cấp phép xả nước vào hệ thống công trình thủy lợi và xử lý vi phạm theo quy định.

c) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung vào hệ thống công trình thủy lợi.

6. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo và phát triển hệ thống thoát nước; quản lý Nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh có liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý theo quy định hiện hành; phối hợp với chủ đầu tư hệ thống thoát nước và các đơn vị liên quan để có phương án thi công hệ thống thoát nước dọc theo đường giao thông do đơn vị quản lý.

7. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý Nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải của các bệnh viện và cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định hiện hành. Tham gia cùng các cơ quan kiểm tra chất lượng nước xả ra môi trường.

8. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

a) Trực tiếp quản lý, bảo trì, vận hành và khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do đơn vị quản lý theo Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trong khu công nghiệp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; cho ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước trong khu công nghiệp để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định.

c) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải.

d) Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong các khu công nghiệp. Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trong các khu công nghiệp. Tập hợp,

lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải các khu công nghiệp theo định kỳ hàng năm và đột xuất về Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Sở Công Thương

Chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về hoạt động thoát nước thải tại các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

10. Công an tỉnh

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Công an tỉnh và Công an huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, xử lý kịp thời các vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Tổ chức lập quy hoạch, đầu tư xây dựng phát triển hệ thống thoát nước, xử lý nước thải (bao gồm mạng lưới thu gom và chuyển tải từ hố kiểm tra đến mạng lưới thoát nước cấp 3, cấp 2 và cấp 1) và là chủ sở hữu công trình thoát nước đô thị được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn theo phân cấp.

2. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do đơn vị mình làm chủ sở hữu, bao gồm: lựa chọn đơn vị thoát nước, ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị được lựa chọn; cấp phép đấu nối, xả thải cho hệ thoát nước; chỉ đạo đơn vị thoát nước tổ chức lập phương án giá dịch vụ thoát nước trình Sở Xây dựng, Sở Tài chính thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải.

4. Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trên địa bàn.

5. Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn theo định kỳ và đột xuất về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 28. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do đơn vị mình làm chủ sở hữu.

2. Tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải; báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân cấp huyện khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động thoát nước trên địa bàn để xử lý theo quy định.

3. Phối hợp với đơn vị thoát nước quản lý, bảo đảm an toàn cho hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn quản lý.

4. Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn theo định kỳ và đột xuất về Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 29. Trách nhiệm của đơn vị thoát nước

1. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do đơn vị quản lý theo đúng Quy định này.
2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
3. Lập hồ sơ, quản lý và vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn đơn vị quản lý.
4. Theo dõi, quản lý, giám sát hoạt động đầu nổi thoát nước. Cung cấp thông tin thỏa thuận đầu nổi cho các đối tượng khi có nhu cầu.
5. Kiểm tra, xử lý hoặc báo cáo đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn do đơn vị quản lý.
6. Báo cáo định kỳ theo quy định của chủ sở hữu và cơ quan quản lý Nhà nước về thoát nước trên địa bàn tỉnh (Sở Xây dựng).

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Điều khoản thi hành

1. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm hướng dẫn các hộ thoát nước xả thải ra vùng tiếp nhận thực hiện các điều khoản có liên quan trong Quy định này. Báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu để có biện pháp khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện (nếu có).
2. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.
3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. nd

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tuấn